

# CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ THỊNH PHÁT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH PHAT TRADING AND SERVICES PETROLEUM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3502432979

3. Ngày thành lập: 11/08/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 135 Huyện Trần Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0254.3584669

Fax:

Email: ltdthinhphat2020@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng các loại, xi măng, sắt thép, gạch ngói, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, vật tư thiết bị ngành nước, sơn, vật tư thiết bị khác trong xây dựng.. | 4663     |
| 2.  | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                                                                                                                  | 4101     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;                                                                                                                                                                       | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;                                                                                                 | 4299     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                             | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                        | 4291     |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt chuẩn bị mặt bằng xây dựng bằng cát, đất, đá...                                                                                                                                                      | 4312     |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình;                                                                                                                                                               | 4330     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                              | 4649     |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh phục vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                      | 5510     |
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4759     |
| 12. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                   | 3511     |

Thời gian đăng từ ngày 11/08/2020 đến ngày 10/09/2020

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13. | Truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                            | 3512                                                         |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                          | 7410                                                         |
| 15. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị năng lượng mặt trời, máy móc thiết bị sử dụng tiết kiệm năng lượng                                                                                                                        | 3320                                                         |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa                                                                                                                                                                                         | 4610                                                         |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành dầu khí, hàng hải, công nghiệp, thiết bị an toàn, cứu sinh, bảo hộ lao động; máy móc, thiết bị năng lượng mặt trời; thiết bị sử dụng tiết kiệm năng lượng | 4659                                                         |
| 18. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                              | 3312                                                         |
| 19. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm của chúng                                                                                                                                                   | 4661(Chính)                                                  |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                     | 5229                                                         |
| 21. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển (tàu thủy, xà lan)                                                                                                                                                                       | 5012                                                         |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710                                                         |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                          | 7730                                                         |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                             | 5210                                                         |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải xăng dầu                                                                                                                                                                                                            | 4933                                                         |
| 26. | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật chuyên ngành)<br>Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật đầu tư                                 | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ NGỌC  | Số 29/12 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 036186003736                                                                                                                                      |         |
| 2   | TRẦN QUỐC VIỆT | Số 29/12 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 036086006095                                                                                                                                      |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036186003736

Ngày cấp: 22/02/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 29/12 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 29/12 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu